PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. GIỚI THIỆU:

I.1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu

I.1.1. Mô tả khái quát về dự án

1. Tên dự án: Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng.

2. Chủ đầu tư: Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Phú Xuyên và xã Phú Thịnh, tỉnh Thái Nguyên (Trước đây là xã Yên Lãng và xã Na Mao, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).

3. Mục tiêu đầu tư: Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, khai thác tối đa tài nguyên bằng phương pháp lộ thiên, duy trì sản lượng than khai thác hàng năm, đảm bảo cung cấp than cho Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn và các hộ tiêu thụ trong khu vực, đảm bảo an ninh năng lượng, tạo công việc ổn định cho lao động của doanh nghiệp và địa phương.

4. Quy mô dự án:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại, Cấp công trình: Công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, Mỏ than lộ thiên; cấp III.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: 340,46 ha.

- Trữ lượng than địa chất trong biên giới khai trường: 6.500.537 tấn.

- Trữ lượng than địa chất huy động: 5.367.894 tấn.

- Công suất khai thác: 500.000 tấn than nguyên khai/năm.

- Khối lượng than nguyên khai: 5.835.000 tấn

- Tuổi thọ dự án: 16 năm.

- Phương pháp khai thác: Bằng phương pháp lộ thiên.

- Hình thức đầu tư: Đầu tư mới.

(Một số thông tin khác về dự án theo văn bản số 2809/TKV-ĐT ngày 15/5/2024 và số 1559/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 được Chủ đầu tư đính kèm theo E-HSMT)

I.1.2. Mô tả khái quát về gói thầu

1. Tên gói thầu: Gói thầu số 4: Tư vấn lập Thiết kế xây dựng triển khai sau Thiết kế cơ sở (Thiết kế bản vẽ thi công) và Dự toán xây dựng công trình.

2. Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán xây dựng công trình của dự án: Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng.

3. Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu (Vốn huy động hợp pháp của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP).

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2025.

7. Loại hợp đồng: Trọn gói.

8. Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày

9. Mục đích đấu thầu trước gói thầu: Căn cứ "Quy hoạch Tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050" đã được Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/07/2023, dự án "Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng", thực hiện khai thác từ năm 2025, với công suất 400÷600 nghìn tấn than nguyên khai/năm. Thực hiện quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP đã lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án "Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng" trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép khai thác đảm bảo thời gian bắt đầu khai thác từ năm 2025. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thẩm định thông qua tại văn bản số 2809/TKV-ĐT ngày 15/5/2024, được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 23/5/2025.

Căn cứ tại Điều 42 Luật Đấu thầu 2023 được sửa đổi bởi khoản 14 Điều 4 Luật số 57/2024/QH 15 ngày 29/11/2024 và tiến độ triển khai dự án thì việc tổ chức lựa chọn trước nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán xây dựng công trình của dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng là cần thiết để đảm bảo tiến độ của dự án.

Làm rõ, điều chỉnh Mục 33.2 E-CDNT– E-HSMT: Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu nếu đã có Quyết định phê duyệt dự án, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Trường hợp chưa có Quyết định phê duyệt dự án thì trong thời giạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu các bên tiến hành hoàn thiện hợp đồng và các thủ tục cần thiết khác, sau khi có Quyết định phê duyệt dự án các bên sẽ tiến hành ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối hoàn thiệt, ký kết hợp đồng thì chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT – E-HSMT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.

I.2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu: Lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình thuộc dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng. Tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của dự án.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC:

II.1 Phạm vi công việc đối với nhà thầu

Các nội dung công việc chính gồm:

TT	Nội dung công việc
A.1	**THUYẾT MINH**
	Mở đầu
I	**Thông tin chung**
II	**Thuyết minh tổng quát**
1	**Chương 1. Các căn cứ pháp lý và cơ sở thiết kế**
1.1	Các văn bản pháp lý
1.2	Các tài liệu cơ sở
1.3	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng
1.4	Nội dung chủ yếu của thiết kế giai đoạn trước
1.5	Hiện trạng về khai thác và chế biến khoáng sản

TT	Nội dung công việc
III	**Giải pháp kỹ thuật công nghệ**
2	**Chương 2. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường**
2.1	***Đặc điểm địa chất mỏ và khoáng sản***
-	Đặc điểm địa chất mỏ
-	Đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình
-	Trữ lượng và chất lượng khoáng sản
2.2	***Biên giới và trữ lượng khai trường***
2.2.1	Biên giới khai trường
2.2.2	Trữ lượng khai trường
-	Trữ lượng địa chất huy động
-	Tổn thất và làm bẩn
-	Trữ lượng quy đổi theo than nguyên khai
-	Các chỉ tiêu chủ yếu về biên giới và trữ lượng khai trường
3	**Chương 3. Mở vỉa và trình tự khai thác**
3.1	Mở vỉa
3.2	Trình tự khai thác
-	Các nguyên tắc cơ bản để lựa chọn trình tự khai thác
-	Xây dựng và phân tích biểu đồ chế độ công tác mỏ
-	Xác định tốc độ đẩy ngang và tốc độ xuống sâu
-	Trình tự khai thác
4	**Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ dự án**
4.1	Chế độ làm việc
4.2	Công suất và tuổi thọ dự án
5	**Chương 5. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác**
5.1	Hệ thống khai thác
-	Lựa chọn HTKT
-	Tính toán các thông số của HTKT
5.2	Công nghệ khai thác
-	Công nghệ bóc đất đá và khai thác than
-	Phương pháp làm tơi đất đá, tính toán các thông số khoan nổ mìn
-	Dây chuyền đồng bộ thiết bị và các đặc tính kỹ thuật cơ bản
-	Sơ đồ công nghệ bóc đất đá
-	Sơ đồ công nghệ khai thác chọn lọc

TT	Nội dung công việc
-	Sơ đồ công nghệ đào sâu đáy mỏ
-	Thống kê đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính
-	Lịch kế hoạch tổng hợp về khai thác, vận tải, đổ thải, thoát nước và dây chuyền đồng bộ thiết bị
6	**Chương 6. Vận tải trong mỏ**
6.1	Vận tải đất đá bóc
6.2	Vận tải than nguyên khai
6.3	Hệ thống đường vận tải trong mỏ
7	**Chương 7. Công tác chế biến khoáng sản**
7.1	Đặc tính, chất lượng khoáng sản đưa vào chế biến
7.2	Giải pháp chế biến khoáng sản
7.3	Khối lượng, chất lượng sản phẩm sau chế biến
7.4	Cân bằng sản phẩm
7.5	Giải pháp thải chất thải sau chế biến và thải nước
7.6	Chỉ tiêu công nghệ, thiết bị chế biến
8	**Chương 8. Công tác thải đất đá và thải chất thải sau chế biến**
8.1	Công tác thải đất đá mỏ
-	Khối lượng đất đá thải
-	Vị trí, thông số và dung tích của bãi thải
-	Sơ đồ và trình tự đổ thải, công nghệ và thiết bị phục vụ công tác thải đất đá
8.2	Công tác thải chất thải sau chế biến khoáng sản
8.3	Hệ thống đê đập bảo vệ bãi thải
9	**Chương 9. Thoát nước mỏ**
9.1	Tính toán lượng nước chảy vào mỏ và bãi thải
9.2	Giải pháp thoát nước; thiết bị, các thông số và đặc tính kỹ thuật của thiết bị phục vụ công tác thoát nước mỏ
10	**Chương 10. Sửa chữa cơ điện và kho tàng**
10.1	Nhiệm vụ và chế độ làm việc
10.2	Các phân xưởng sửa chữa, bảo dưỡng cơ điện
10.3	Kho vật tư, hàng hóa, dụng cụ
11	**Chương 11. Cung cấp điện và khí nén**
11.1	Giải pháp cung cấp điện toàn mỏ
-	Giải pháp cung cấp điện, nguồn điện, các hộ sử dụng điện

TT	Nội dung công việc
-	Tính toán phụ tải, các chỉ tiêu, tiêu hao về điện và giải pháp cung cấp điện cho toàn mỏ
11.2	Thiết kế cung cấp điện cho từng công trình
11.3	Giải pháp cung cấp khí nén
12	**Chương 12. Thông tin liên lạc và tự động hóa**
12.1	Thông tin liên lạc
12.2	Tự động hoá
13	**Chương 13. Kiến trúc và xây dựng**
13.1	Cơ sở thiết kế
13.2	Quy mô xây dựng công trình
13.3	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
14	**Chương 14. Cung cấp nước và thải nước**
14.1	Tiêu chuẩn và nhu cầu sử dụng nước
14.2	Nguồn cung cấp nước
14.3	Thiết kế hệ thống cung cấp nước
14.4	Thiết kế hệ thống thải nước
15	**Chương 15. Tổng mặt bằng và vận tải ngoài**
15.1	Tổng mặt bằng
15.2	Vận tải ngoài
16	**Chương 16. Tổ chức xây dựng**
16.1	Khối lượng và lịch trình xây dựng các hạng mục công trình
16.2	Nguồn cung cấp nguyên vật liệu điện nước phục vụ thi công
16.3	Giải pháp kỹ thuật thi công
16.4	Tổ chức xây dựng
17	**Chương 17. Kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động**
17.1	An toàn trong khai thác mỏ
17.2	An toàn trong chế biến khoáng sản
17.3	An toàn về cung cấp điện, khí nén, vận hành thiết bị điện, khí nén
17.4	An toàn về sử dụng và bảo quản vật liệu nổ
17.5	Giải pháp phòng chống cháy, nổ, chống sét
17.6	Vệ sinh lao động
18	**Chương 18. Bảo vệ, cải tạo phục hồi môi trường**
18.1	Công trình bảo vệ môi trường

TT	Nội dung công việc
18.2	Giải pháp thi công
19	**Chương 19. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động**
19.1	Sơ đồ quản lý sản xuất
19.2	Biên chế lao động
19.3	Năng suất lao động
IV	**Chỉ dẫn kỹ thuật**
V	**Các phụ lục**
A.2	**BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG**
I	**Phần địa chất**
1	Bản đồ địa hình có lộ thân khoáng khu mỏ
2	Bình đồ đẳng trụ và tính trữ lượng Thấu kính II
3	Bình đồ đẳng trụ và tính trữ lượng vỉa 3
4	Bình đồ đẳng trụ và tính trữ lượng vỉa 2
5	Bình đồ đẳng trụ và tính trữ lượng vỉa 1
6	Bình đồ đẳng trụ và tính trữ lượng vỉa 1A
7	Bình đồ đẳng trụ và tính trữ lượng vỉa 1B
8	Bình đồ đẳng trụ và tính trữ lượng vỉa 1C
9	Mặt cắt địa chất tuyến trục
10	Mặt cắt địa chất tuyến XXI, XXV, XXVIII, XXX, XXXII
II	**Phần khai thác**
1	Bản đồ biên giới mỏ
2	Bản đồ mở vỉa
3	Bản đồ khai thác, đổ thải năm thứ nhất
4	Bản đồ khai thác, đổ thải năm thứ hai (đạt công suất thiết kế)
5	Bản đồ khai thác, đổ thải năm thứ ba
6	Bản đồ khai thác, đổ thải năm thứ sáu (năm chuyển giai đoạn khai thác)
7	Bản đồ kết thúc khai thác, đổ thải
8	Sơ đồ hệ thống khai thác và khoan nổ mìn

TT	Nội dung công việc
9	Các sơ đồ công nghệ bóc đất đá và khai thác chọn lọc khoáng sản
III	**Phần chế biến khoáng sản**
1	Bản đồ tổng mặt bằng xưởng sàng
2	Sơ đồ công nghệ dây chuyền máy móc, thiết bị xưởng sàng
3	Sơ đồ nguyên lý định tính, định lượng của dây chuyền chế biến khoáng sản
4	Sơ đồ dây chuyền công nghệ trên mặt
IV	**Phần thoát nước mỏ, cấp và thải nước**
1	Thoát nước khai trường năm thứ nhất
2	Thoát nước khai trường năm thứ hai
3	Thoát nước khai trường năm thứ ba
4	Thoát nước khai trường năm thứ sáu
5	Thoát nước khai trường năm kết thúc khai thác
V	**Phần xây dựng**
V.1	***Cổng và hàng rào MB xưởng sàng***
V.2	***Xưởng sàng***
1	Chế biến khoáng sản (Bunke, Băng, Sàng, Khung đỡ,…)
2	Cung cấp điện (trạm biến áp, móng cột,…)
3	Cung cấp nước
3.1	*Bể nước*
3.2	*Trạm bơm số 1*
3.3	*Trạm bơm tăng áp số 1*
3.4	*Hệ thống cấp nước*
V.3	***Trạm cân***
V.4	***Phân xưởng sàng tuyển***
1	Nhà điều hành sản xuất
2	Nhà giao ca
3	Nhà vệ sinh
4	Nhà bảo vệ

TT	Nội dung công việc
VI	**Phần cung cấp điện, thông tin liên lạc và tự động hóa**
5.1	***Cung cấp điện toàn mỏ***
-	Sơ đồ nguyên lý cung cấp điện toàn mỏ năm thứ nhất
-	Sơ đồ nguyên lý cung cấp điện toàn mỏ năm thứ hai
-	Sơ đồ nguyên lý cung cấp điện toàn mỏ năm thứ ba
-	Sơ đồ nguyên lý cung cấp điện toàn mỏ năm thứ sáu
-	Sơ đồ nguyên lý cung cấp điện toàn mỏ năm kết thúc khai thác
-	Mặt bằng bố trí hệ thống cung cấp điện cho toàn dự án
5.2	***Thoát nước khai trường***
-	Cung cấp điện thoát nước khai trường năm thứ nhất
-	Cung cấp điện thoát nước khai trường năm thứ hai
-	Cung cấp điện thoát nước khai trường năm thứ ba
-	Cung cấp điện thoát nước khai trường năm thứ sáu
-	Cung cấp điện thoát nước khai trường năm kết thúc khai thác
5.3	Các bản vẽ thi công đường dây, trạm biến áp
VII	**Phần tổng mặt bằng**
1	Bản đồ tổng mặt bằng chung toàn mỏ
2	Bản đồ mặt bằng khu văn phòng mỏ
3	Bản đồ mặt bằng phân xưởng chế biến
4	San gạt mặt bằng sân công nghiệp
5	San gạt mặt bằng xưởng sàng
6	Hệ thống sân bãi mặt bằng xưởng sàng
7	Tường kè hết hợp rãnh thoát nước mặt bằng xưởng sàng
8	Kè ốp mái taluy mặt bằng xưởng sàng
9	Nắn suối
VIII	**Phần bảo vệ môi trường**

TT	Nội dung công việc
1	Bản đồ bố trí các công trình bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác
2	Mặt bằng, mặt cắt kết cấu của một số công trình bảo vệ môi trường chủ yếu
3	Bản đồ phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác
A.3	**DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**
I	**Mặt bằng sân công nghiệp**
1	San gạt mặt bằng
II	**Mặt bằng xưởng sàng**
1	San gạt mặt bằng
2	Hệ thống sân bãi
3	Tường kè hết hợp rãnh thoát nước
4	Kè ốp mái taluy
III	**Nắn suối**
IV	**Cổng và hàng rào MB xưởng sàng**
V	**Xưởng sàng**
1	Bunke, băng, sàng, khung đỡ,….
2	Xây dựng trạm biến áp 6/0,4kV
3	Trạm bơm số 1
4	Bể nước 100m^3
5	Xây dựng Trạm bơm tăng áp số 1
6	Hệ thống cấp nước
VI	**Trạm cân 120 tấn**
VII	**Phân xưởng sàng tuyển**
1	Nhà điều hành sản xuất
2	Nhà giao ca
3	Nhà vệ sinh 5
4	Nhà bảo vệ
VIII	**Cung cấp điện**

TT	Nội dung công việc
1	Trạm biến áp 6/0,4kV số 1
2	Trạm biến áp 6/0,4kV số 2
3	Đường dây 6kV cố định số 1
4	Đường dây 6kV cố định số 2 và đường dây di động
5	Cải tạo trạm biến áp 35/6kV

- Tên cơ quan thực hiện dự án: Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP. Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, TP.Hà Nội

- Nguồn vốn thực hiện: Vốn chủ sở hữu (Vốn huy động hợp pháp của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP).

II.2 Nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn

- Bố trí đầy đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế; cử người có đủ điều kiện năng lực để làm chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu phải thực hiện việc lập hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2025/TT-BCT, ngày 16/5/2025 của Bộ Công thương về việc Quy định nội dung thiết kế cơ sở của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ hoặc văn bản pháp luật có hiệu lực thay thế (nếu có) cùng các quy định hiện hành khác của Nhà nước đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng.

- Nghiên cứu báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, nghiệm vụ thiết kế được duyệt.

- Khảo sát thực địa phục vụ lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán.

- Chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế;

- Trình bên Chủ đầu tư hồ sơ thiết kế để thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng; tiếp thu ý kiến thẩm định, giải trình;

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế xây dựng công trình do mình thực hiện; việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế của cá nhân, tổ chức, chủ đầu tư, người quyết định đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu thiết kế về chất lượng thiết kế xây dựng công trình do mình thực hiện.

- Trong quá trình thiết kế xây dựng công trình nhà thầu có quyền đề xuất thực hiện các thí nghiệm, thử nghiệm mô phỏng để kiểm tra, tính toán khả năng làm việc của công trình nhằm hoàn thiện thiết kế, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn công trình nếu thấy cần thiết.

- Phần thuyết minh của sản phẩm thiết kế gồm có các nội dung tính toán phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình xây dựng được phê duyệt và yêu cầu của thiết kế xây dựng công trình.

- Bản vẽ thiết kế phải tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành.

- Dự toán xây dựng phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ, chính sách quy định về lập và quản lý chi phí xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình.

- Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

- Các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ theo khuôn khổ thống nhất, được lập danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài.

- Tiến hành hiệu chỉnh nội dung thiết kế theo ý kiến của Chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Giám sát tác giả theo quy định tại điều 20 nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021

- Bàn giao sản phẩm tư vấn cho Chủ đầu tư: 10 bộ và 1 USB gồm các nội dung:

+ Bản vẽ, thuyết minh thiết kế xây dựng công trình, các bảng tính kèm theo;

+ Chỉ dẫn kỹ thuật và các tài liệu khảo sát xây dựng có liên quan;

+ Dự toán xây dựng công trình;

+ Quy trình bảo hành công trình.

II.3 Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Thực hiện ngay khi hợp đồng được ký kết và có hiệu lực.

III. BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

III.1 Báo cáo tiến độ: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư, mỗi báo cáo bao gồm các nội dung chính: tình trạng tiến độ tổng thể của gói thầu; khối lượng, chất lượng của từng công việc đã thực hiện và so sánh với kế hoạch đã đặt ra hoặc hợp đồng đã ký; các vướng mắc và đề xuất biện pháp để xử lý;

III.2 Thời gian thực hiện: Dự kiến là 60 ngày

IV. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU:

Nhà thầu cần huy động ít nhất 40 người, cụ thể như sau:

TT	Nhiệm vụ	Số lượng cán bộ tham gia	Trình độ
1	**Chủ nhiệm dự án**	**1**	Đại học trở lên
2	**Các chủ trì thiết kế**	**9**	
2.1	Phần khai thác mỏ	1	
2.2	Phần xây dựng	1	
2.3	Phần tuyển khoáng	1	
2.4	Phần điện	1	
2.5	Phần địa chất	1	
2.6	Phần cơ khí	1	
2.7	Phần cấp thoát nước	1	
2.8	Phần mặt bằng	1	
2.9	Phần kinh tế	1	
3	**Nhân sự các lĩnh vực**	**30**	

TT	Nhiệm vụ	Số lượng cán bộ tham gia	Trình độ
3.1	Khai thác mỏ	5	Đại học trở lên
3.2	Xây dựng	4	
3.3	Tuyển khoáng	3	
3.4	Điện	4	
3.5	Địa chất	1	
3.6	Cơ khí	3	
3.7	Cấp thoát nước	1	
3.8	Mặt bằng	3	
3.9	Kinh tế	6	
	Tổng số cán bộ tham gia	**40**	

Các nhân sự của nhà thầu phải có bằng cấp chuyên môn theo quy định hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Chủ đầu tư sẽ cấp cho Nhà thầu các tài liệu cần thiết có đầy đủ tính pháp lý để làm cơ sở cho Nhà thầu thực hiện công việc tư vấn nêu trên.

Chủ đầu tư sẽ tạo điều kiện để Nhà thầu có thể thăm quan, khảo sát hiện trường, tìm hiểu các thông tin cơ bản về dự án nếu có yêu cầu. Mọi chi phí, rủi ro do việc thăm quan, khảo sát hiện trường hay tìm hiểu dự án do Nhà thầu chịu.

Chủ đầu tư phối hợp với nhà thầu xử lý các công việc liên quan đến gói thầu.

Trường hợp dự án không được phê duyệt hoặc Chủ đầu tư không thể bố trí nguồn vốn thì Chủ đầu tư có tránh nhiệm hủy thầu và không phải bồi khoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của Nhà thầu.